

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, bãi bỏ Danh mục và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 118/TTr-SNN ngày 27/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 06 Danh mục và phê duyệt 12 Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể như sau:

1. Công bố 06 Danh mục thủ tục hành chính trong đó: 05 TTHC cấp tỉnh và 01 TTHC cấp huyện.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 12 Quy trình nội bộ đối với 06 thủ tục hành chính (TTHC) trong đó: 10 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 02 quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện.

(Có phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định bãi bỏ 05 Danh mục thủ tục hành chính và 06 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính, gồm:

1. Bãi bỏ 04 Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh lĩnh vực lâm nghiệp (*Số thứ tự 05, 06, 15, 16, Mục VI phần A*), 01 Danh mục thủ tục hành chính cấp huyện lĩnh vực lâm nghiệp (*Số thứ tự 02, Mục II Phần B*) ban hành kèm theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ 05 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh (*Số thứ tự 03, 05, Mục A, Phần I; 02, 03, Mục C, Phần II*), 01 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện (*số thứ tự 02, Phần II*) ban hành kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La về phê duyệt Quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Như Điều 3;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tù(35b).

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH SƠN LA
(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

A. CẤP TỈNH: 05 Thủ tục hành chính (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc. -Trường hợp phải xác minh: 7,5 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	-Trực tiếp - Qua môi trường điện tử - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
2	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	-Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa: 28 ngày làm việc - Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá phương án trồng rừng tại thực địa: 38 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	-Trực tiếp - Qua môi trường điện tử - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 25/2022/TTBNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

3	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	-Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 16 ngày làm việc -Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: 05 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN&PTNT tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	-Trực tiếp - Qua môi trường điện tử - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
4	Xác nhận bằng kê lâm sản	-Trường hợp không phải xác minh: 01 ngày làm việc. -Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc.	Hạt kiểm lâm huyện	-Trực tiếp - Qua môi trường điện tử - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.
5	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	-Trường hợp không phải xác minh: 4,5 ngày làm việc. -Trường hợp phải xác minh: 06 ngày làm việc.	Hạt kiểm lâm huyện	-Trực tiếp - Qua môi trường điện tử - Qua dịch vụ bưu chính công ích	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

B. CẤP HUYỆN: 01 Thủ tục hành chính (TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện	-Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc. -Trường hợp phải xác minh: 7,5 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Trực tiếp hoặc qua môi trường điện tử hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua bưu điện	Không	Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

Phụ lục II**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 03 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)***A. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH SƠN LA****1. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

* Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên hoặc thu thập mẫu vật thực vật rừng thông thường phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ từ rừng đặc dụng.

1.1. Trường hợp không phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 04 ngày (40%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	- Ý kiến phân công	1/2 ngày

		- Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.	- Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và PTNT	- Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Chi cục Kiểm lâm		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				06 ngày

1.2. Trường hợp phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày (25%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Chi cục Kiểm lâm tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
		- Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Kiểm lâm viên phòng Sử dụng và PTR	- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	1,5 ngày
		- Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR xem xét.	- Ý kiến trình lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình Sở Nông nghiệp và PTNT	- Lãnh đạo chi cục Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Chi cục Kiểm lâm		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và PTNT tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				7,5 ngày

2. Tên TTHC: Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế

2.1. Trường hợp UBND tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 30 ngày

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 21 ngày

- Thời gian đã cắt giảm: 9 ngày (*Giảm 30 %*)

- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	½ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Sử dụng và PTR tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	½ ngày
		Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>Tham mưu giúp UBND tỉnh giao nhiệm vụ trồng rừng thay thế cho các Ban quản lý rừng hoặc Ban quản lý dự án phát triển rừng</i>)	02 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	½ ngày

B5	Ký duyệt Văn bản	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	½ ngày
B6	Phòng sử dụng và PTR tiếp nhận và thẩm định hồ sơ thiết kế và dự toán trồng rừng thay thế	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>Báo cáo thẩm định, Tờ trình và Dự thảo Quyết định</i>)	07 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	01 ngày
B8	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	01 ngày
B9	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	½ ngày
B11	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	½ ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			05 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				21 ngày

2.2. Trường hợp UBND tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Bản chính văn bản đề nghị chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 5 ngày

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 5 ngày

- Thời gian đã cắt giảm: 0 ngày (*Giảm 0 %*)

- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	¼ ngày
B3	Phòng PTNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>trình UBND tỉnh xem xét, gửi hồ sơ đề nghị Bộ NN-PTNT chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng về Quỹ BV-PTR Việt Nam</i>)	01 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	½ ngày
B5	Ký duyệt Văn bản	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	¼ ngày
B6	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ</i>	¼ ngày

	cửa tại TTPVHCC		<i>trình)</i>	
B7	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	¼ ngày
B8	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				5 ngày

3. Tên TTHC: **Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế**

a) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Bản chính văn bản đề nghị phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản chính Phương án trồng rừng thay thế quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản chính dự toán, thiết kế trồng rừng thay thế theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

- Bản sao tài liệu khác có liên quan (nếu có).

b) Thời gian và trình tự thực hiện:

3.1. Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 35 ngày

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 26 ngày

- Thời gian đã cắt giảm: 09 ngày (*Giảm 25,7 %*)

- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng Sử dụng và PTR tiếp nhận,	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn</i>)	05 ngày

	xử lý hồ sơ		<i>vị đề xuất thành viên và dự thảo QĐ thành lập HĐTD cấp cơ sở)</i>	
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	½ ngày
B6	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐ	06 ngày
B7	Phòng Sử dụng và PTR tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng thẩm định	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định</i>)	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B8	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B9	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	¼ ngày
B11	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên thông	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm hồ sơ liên thông (<i>scan</i>)	¼ ngày
B12	Liên thông UBND tỉnh			08 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (<i>scan QĐ phê duyệt</i>)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				26 ngày

3.2. Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 45 ngày
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 33 ngày
- Thời gian đã cắt giảm: 12 ngày (*Giảm 26,7 %*)
- Trình tự thực hiện:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (<i>scan hồ sơ</i>)	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Kèm theo scan hồ sơ	¼ ngày
B2	Xem xét phân công	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến phân công	½ ngày
B3	Phòng PTNT tiếp nhận, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến phân công	¼ ngày
		Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo văn bản (<i>gửi các đơn vị đề xuất thành viên và dự thảo QĐ thành lập HĐTD cấp cơ sở</i>)	05 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B4	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B5	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở	Ý kiến ký duyệt	½ ngày
B6	Hội đồng thẩm định làm việc		Kết quả làm việc của HĐ	13 ngày
B7	Phòng PTNT tiếp nhận, xử lý kết quả của hội đồng TĐ	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Dự thảo Văn bản (<i>Tờ trình và Dự thảo Quyết định</i>)	03 ngày
		Lãnh đạo phòng Sử dụng và PTR	Ý kiến xét duyệt	½ ngày
B8	Xem xét trình phê duyệt	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Ý kiến trình phê duyệt	¼ ngày
B9	Xem xét và ký duyệt	Lãnh đạo Sở	Ý kiến phê duyệt	½ ngày
B10	Lưu sổ và bàn giao bộ phận một cửa tại TTPVHCC	Chuyên viên phòng Sử dụng và PTR	Văn bản phát hành (<i>Tờ trình</i>)	¼ ngày
B11	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ liên	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại	Đính kèm hồ sơ liên thông	¼ ngày

	thông	Trung tâm PV HCC tỉnh	(scan)	
B12	Liên thông UBND tỉnh			08 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ Sở NN&PTNT tại Trung tâm PV HCC tỉnh	Đính kèm kết quả (scan QĐ phê duyet)	0 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				33 ngày

4. Tên TTHC: Xác nhận bảng kê lâm sản

*** Thành phần hồ sơ:**

- a) Bản chính Đơn đề nghị xác nhận Bảng kê lâm sản theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT;
- b) Bản chính Bảng kê lâm sản được lập theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- c) Bản sao Phương án khai thác theo quy định tại Điều 6 hoặc Điều 7 Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT đối với trường hợp đề nghị xác nhận sau khai thác;
- d) Bản sao hồ sơ lâm sản nhập khẩu quy định tại Điều 16 Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT đối với trường hợp chủ lâm sản nhập khẩu bán hoặc chuyển giao quyền sở hữu;
- đ) Bản sao hồ sơ lâm sản sau xử lý tịch thu theo quy định tại Điều 17 Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT đối với trường hợp chủ lâm sản mua trực tiếp từ cơ quan được giao xử lý tài sản, bán, chuyển giao quyền sở hữu lần kế tiếp;
- e) Bản sao Bảng kê lâm sản mua bán, chuyển giao quyền sở hữu liền kề trước đó;
- g) Bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản đối với trường hợp xác nhận theo đề nghị của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này;
- h) Bản chính Sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản đối với chủ lâm sản là tổ chức, hộ kinh doanh xuất bán lâm sản theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT.

4.1. Trường hợp không phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 02 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 01 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 01 ngày (50%)
- Quy trình

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	- Bộ phận tiếp công dân	- Hồ sơ lâm sản	Giờ hành chính
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1/4 ngày

		- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	1/4 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Bảng kê lâm sản	1/4 ngày
B5	Trả kết quả	- Bộ phận tiếp công dân	- Hồ sơ, Bảng kê lâm sản	Giờ hành chính
Tổng thời gian				01 ngày

4.2. Trường hợp phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 07 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 04 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 03 ngày (42%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	- Bộ phận tiếp công dân		Giờ hành chính
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/4 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận phụ trách pháp chế	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	1/4 ngày
		- Bộ phận phụ trách pháp chế - Kiểm lâm phụ trách địa bàn	- Kiểm tra, xác minh nguồn gốc lâm sản	02 ngày
		- Kiểm lâm viên phụ trách pháp chế	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	01 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Bảng kê lâm sản	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	- Bộ phận tiếp công dân	- Hồ sơ, Bảng kê lâm sản	Giờ hành chính
Tổng thời gian				04 ngày

5. Tên TTHC: **Phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

* Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT;
- Bản chính Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT.

5.1. Trường hợp không phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 4,5 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 5,5 ngày (55%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	- Bộ phận tiếp công dân		Giờ hành chính
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	02 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	01 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phê duyệt đối với phương án	01 ngày
B5	Trả kết quả	- Bộ phận tiếp công dân	- Dính kèm kết quả	Giờ hành chính
Tổng thời gian				4,5 ngày

5.2. Trường hợp phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 04 ngày (40%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận hồ sơ	- Bộ phận tiếp công dân		Giờ hành chính
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Xem xét xử lý, thẩm định hồ sơ	- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	02 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện - Kiểm lâm phụ trách địa bàn	- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	02 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm cấp huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm huyện	01 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phê duyệt đối với phương án	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	- Bộ phận tiếp công dân	- Đính kèm kết quả	Giờ hành chính
Tổng thời gian				06 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Tên TTHC: Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện

* Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản sao quyết định phê duyệt dự án lâm sinh hoặc tài liệu chứng minh việc thực hiện các biện pháp lâm sinh hoặc chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp khai thác tận dụng gỗ loài thực vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên hoặc thu thập mẫu vật thực vật rừng thông thường phục vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ từ rừng đặc dụng.

1.1. Trường hợp không phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 06 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 06 ngày (40%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm cấp huyện.	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày

B5	Chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Hạt Kiểm lâm cấp huyện		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				06 ngày

1.2. Trường hợp phải xác minh

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 10 ngày làm việc
- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 7,5 ngày làm việc
- Thời gian cắt giảm: 2,5 ngày (25%)
- Quy trình:

TT	Các bước trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ cho phòng chuyên môn	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công	Kèm theo scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Xem xét, phân công	- UBND cấp huyện	Ý kiến phân công	1/2 ngày
B3	Hạt Kiểm lâm cấp huyện tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến phân công	1/2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ.	2 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Kiểm tra, xác minh tại cơ sở	1,5 ngày
		- Bộ phận chuyên môn của Hạt Kiểm lâm huyện	- Ý kiến trình lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	1/2 ngày
B4	Xem xét, trình UBND cấp huyện	- Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	- Ý kiến trình phê duyệt	1/2 ngày
B5	Chuyển lãnh đạo UBND cấp huyện	- Lãnh đạo UBND cấp huyện	- Ý kiến phê duyệt đối với Phương án	1/2 ngày
B6	Bàn giao hồ sơ	- Hạt Kiểm lâm		1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận TN&TKQ UBND cấp huyện tại Trung tâm Hành chính công	Đính kèm kết quả	1/2 ngày
Tổng thời gian				7,5 ngày